

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hạ Long, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Số: 99/2020/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG – TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 114/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Vũ Thị L

Sinh năm: 1986

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 1, khu 5, phường G, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân Th

Sinh năm: 1982

Nơi ĐKKHKT: thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Tổ 1, khu 5, phường G, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Xuân Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 08/10/2004. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chị L và anh Th chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mâu

thuần vợ chồng đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện hai vợ chồng chị L và anh Th vẫn sống chung cùng nhà ở địa chỉ tổ 1, khu 5, phường G, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, nhưng không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau, người nào chỉ biết bốn phận người ấy, tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L và anh Th đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Xuân Th xác nhận: Trong quá trình chung sống, chị L và anh Th có 03 người con chung là: cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 25/4/2005; cháu Nguyễn N Y, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Cát T, sinh ngày 02/10/2014. Khi ly hôn, chị L và anh Th thỏa thuận thống nhất giao cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thế V, cháu Nguyễn N Ý và cháu Nguyễn Cát T cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung là cháu V, cháu Y, cháu T đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Xuân Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu V, cháu Y, cháu T mỗi cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu V, cháu Y, cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Xuân Th không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Xuân Th thỏa thuận thống nhất chị Loan chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc yêu cầu về hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Xuân Th.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 25/4/2005; cháu Nguyễn N Y, sinh ngày 12/10/2010 và cháu Nguyễn Cát T, sinh ngày 02/10/2014 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung là cháu V, cháu Y, cháu T đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Xuân Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu V, cháu Y, cháu T mỗi cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu V,

cháu Y, cháu T thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Xuân Th không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị L tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc yêu cầu về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự mà chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002698 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường G, tp Hạ Long;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hùng